

**Phụ lục 6**  
**DANH SÁCH XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU**

(Kèm theo Công văn số

/SGDDĐT-QLCLGDCNTT ngày

tháng 4 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Mã Tỉnh	Tên Tỉnh	Mã Xã/Phường	Tên Xã/Phường	Khu vực
1	51	Quảng Ngãi	21025	Phường Cẩm Thành	Khu vực 2
2	51	Quảng Ngãi	2102501	Phường Nguyễn Nghiêm (năm 2025)	Khu vực 2
3	51	Quảng Ngãi	2102502	Phường Trần Hưng Đạo (năm 2025)	Khu vực 2
4	51	Quảng Ngãi	2102503	Phường Nghĩa Chánh (năm 2025)	Khu vực 2
5	51	Quảng Ngãi	2102504	Phường Chánh Lộ (năm 2025)	Khu vực 2
6	51	Quảng Ngãi	21028	Phường Nghĩa Lộ	Khu vực 2
7	51	Quảng Ngãi	2102801	Phường Nghĩa Lộ (năm 2025)	Khu vực 2
8	51	Quảng Ngãi	2102802	Phường Quảng Phú (năm 2025)	Khu vực 2
9	51	Quảng Ngãi	2102803	Phường Lê Hồng Phong (năm 2025)	Khu vực 2
10	51	Quảng Ngãi	21034	Xã An Phú	Khu vực 2 NT
11	51	Quảng Ngãi	2103401	Xã An Phú (năm 2025)	Khu vực 2 NT
12	51	Quảng Ngãi	2103402	Xã Nghĩa Hà (năm 2025)	Khu vực 2 NT
13	51	Quảng Ngãi	2103403	Xã Nghĩa Đông (năm 2025)	Khu vực 2 NT
14	51	Quảng Ngãi	2103404	Xã Nghĩa Dũng (năm 2025)	Khu vực 2 NT
15	51	Quảng Ngãi	21040	Xã Bình Sơn	Khu vực 2 NT
16	51	Quảng Ngãi	210401	Thị trấn Châu Ô (năm 2025)	Khu vực 2 NT
17	51	Quảng Ngãi	210402	Xã Bình Thạnh (năm 2025)	Khu vực 2 NT
18	51	Quảng Ngãi	210403	Xã Bình Chánh (năm 2025)	Khu vực 2 NT
19	51	Quảng Ngãi	210404	Xã Bình Dương (năm 2025)	Khu vực 2 NT
20	51	Quảng Ngãi	210405	Xã Bình Nguyên (năm 2025)	Khu vực 2 NT
21	51	Quảng Ngãi	210406	Xã Bình Trung (năm 2025)	Khu vực 2 NT
22	51	Quảng Ngãi	210407	Xã Bình Long (năm 2025)	Khu vực 2 NT
23	51	Quảng Ngãi	21061	Xã Vạn Tường	Khu vực 2 NT
24	51	Quảng Ngãi	2106101	Xã Bình Thuận (năm 2025)	Khu vực 2 NT
25	51	Quảng Ngãi	2106102	Xã Bình Đông (năm 2025)	Khu vực 2 NT
26	51	Quảng Ngãi	2106103	Xã Bình Trị (năm 2025)	Khu vực 2 NT
27	51	Quảng Ngãi	2106104	Xã Bình Hải (năm 2025)	Khu vực 2 NT
28	51	Quảng Ngãi	2106105	Xã Bình Hòa (năm 2025)	Khu vực 2 NT
29	51	Quảng Ngãi	2106106	Xã Bình Phước (năm 2025)	Khu vực 2 NT
30	51	Quảng Ngãi	21085	Xã Bình Minh	Khu vực 1
31	51	Quảng Ngãi	2108501	Xã Bình Minh (năm 2025)	Khu vực 2 NT
32	51	Quảng Ngãi	2108502	Xã Bình Khương (năm 2025)	Khu vực 2 NT
33	51	Quảng Ngãi	2108503	Xã Bình An (năm 2025)	Khu vực 1
34	51	Quảng Ngãi	21100	Xã Bình Chương	Khu vực 2 NT
35	51	Quảng Ngãi	2110001	Xã Bình Chương (năm 2025)	Khu vực 2 NT
36	51	Quảng Ngãi	2110002	Xã Bình Mỹ (năm 2025)	Khu vực 2 NT
37	51	Quảng Ngãi	21109	Xã Đông Sơn	Khu vực 2 NT
38	51	Quảng Ngãi	2110901	Xã Bình Hiệp (năm 2025)	Khu vực 2 NT
39	51	Quảng Ngãi	2110902	Xã Bình Thạnh (năm 2025)	Khu vực 2 NT
40	51	Quảng Ngãi	2110903	Xã Bình Tân Phú (năm 2025)	Khu vực 2 NT
41	51	Quảng Ngãi	2110904	Xã Bình Châu (năm 2025)	Khu vực 2 NT
42	51	Quảng Ngãi	2110905	Xã Tịnh Hòa (năm 2025)	Khu vực 2 NT
43	51	Quảng Ngãi	21115	Xã Trà Bồng	Khu vực 1
44	51	Quảng Ngãi	2111501	Thị trấn Trà Xuân (năm 2025)	Khu vực 2 NT
45	51	Quảng Ngãi	2111502	Xã Trà Sơn (năm 2025)	Khu vực 1
46	51	Quảng Ngãi	2111503	Xã Trà Thủy (năm 2025)	Khu vực 1
47	51	Quảng Ngãi	21124	Xã Thanh Bồng	Khu vực 1
48	51	Quảng Ngãi	2112401	Xã Trà Lâm (năm 2025)	Khu vực 1
49	51	Quảng Ngãi	2112402	Xã Trà Hiệp (năm 2025)	Khu vực 1
50	51	Quảng Ngãi	2112403	Xã Trà Thanh (năm 2025)	Khu vực 1
51	51	Quảng Ngãi	21127	Xã Đông Trà Bồng	Khu vực 1
52	51	Quảng Ngãi	2112701	Xã Trà Bình (năm 2025)	Khu vực 2 NT
53	51	Quảng Ngãi	2112702	Xã Trà Phú (năm 2025)	Khu vực 2 NT
54	51	Quảng Ngãi	2112703	Xã Trà Giang (năm 2025)	Khu vực 1
55	51	Quảng Ngãi	21136	Xã Cà Đam	Khu vực 1
56	51	Quảng Ngãi	2113601	Xã Trà Tân (năm 2025)	Khu vực 1
57	51	Quảng Ngãi	2113602	Xã Trà Bùi (năm 2025)	Khu vực 1
58	51	Quảng Ngãi	21154	Xã Tây Trà	Khu vực 1
59	51	Quảng Ngãi	2115401	Xã Sơn Trà (năm 2025)	Khu vực 1
60	51	Quảng Ngãi	2115402	Xã Trà Phong (năm 2025)	Khu vực 1
61	51	Quảng Ngãi	2115403	Xã Trà Xinh (năm 2025)	Khu vực 1
62	51	Quảng Ngãi	21157	Xã Tây Trà Bồng	Khu vực 1
63	51	Quảng Ngãi	2115701	Xã Hương Trà (năm 2025)	Khu vực 1
64	51	Quảng Ngãi	2115702	Xã Trà Tân (năm 2025)	Khu vực 1
65	51	Quảng Ngãi	2115703	Xã Trà Bùi (năm 2025)	Khu vực 1
66	51	Quảng Ngãi	21172	Phường Trương Quang Trọng	Khu vực 2
67	51	Quảng Ngãi	2117201	Phường Trương Quang Trọng (năm 2025)	Khu vực 2
68	51	Quảng Ngãi	2117202	Xã Tịnh An Đông (năm 2025)	Khu vực 2 NT
69	51	Quảng Ngãi	2117203	Xã Tịnh An Tây (năm 2025)	Khu vực 2 NT

70	51	Quảng Ngãi	2117204	Xã Tịnh An (năm 2025)	Khu vực 2 NT
71	51	Quảng Ngãi	21181	Xã Thọ Phong	Khu vực 2 NT
72	51	Quảng Ngãi	2118101	Xã Tịnh Phong (năm 2025)	Khu vực 2 NT
73	51	Quảng Ngãi	2118102	Xã Tịnh Thọ (năm 2025)	Khu vực 2 NT
74	51	Quảng Ngãi	21196	Xã Trường Giang	Khu vực 2 NT
75	51	Quảng Ngãi	2119601	Xã Tịnh Giang (năm 2025)	Khu vực 2 NT
76	51	Quảng Ngãi	2119602	Xã Tịnh Minh (năm 2025)	Khu vực 2 NT
77	51	Quảng Ngãi	2119603	Xã Tịnh Đông (năm 2025)	Khu vực 2 NT
78	51	Quảng Ngãi	21205	Xã Ba Gia	Khu vực 2 NT
79	51	Quảng Ngãi	2120501	Xã Tịnh Bắc (năm 2025)	Khu vực 2 NT
80	51	Quảng Ngãi	2120502	Xã Tịnh Hiệp (năm 2025)	Khu vực 2 NT
81	51	Quảng Ngãi	2120503	Xã Tịnh Trà (năm 2025)	Khu vực 2 NT
82	51	Quảng Ngãi	21211	Xã Tịnh Khê	Khu vực 2 NT
83	51	Quảng Ngãi	2121101	Xã Tịnh Khê (năm 2025)	Khu vực 2 NT
84	51	Quảng Ngãi	2121102	Xã Tịnh Kỳ (năm 2025)	Khu vực 2 NT
85	51	Quảng Ngãi	2121103	Xã Tịnh Châu (năm 2025)	Khu vực 2 NT
86	51	Quảng Ngãi	2121104	Xã Tịnh Long (năm 2025)	Khu vực 2 NT
87	51	Quảng Ngãi	2121105	Xã Tịnh Thiện (năm 2025)	Khu vực 2 NT
88	51	Quảng Ngãi	21220	Xã Sơn Tịnh	Khu vực 2 NT
89	51	Quảng Ngãi	2122001	Thị trấn Tịnh Hà (năm 2025)	Khu vực 2 NT
90	51	Quảng Ngãi	2122002	Xã Tịnh Bình (năm 2025)	Khu vực 2 NT
91	51	Quảng Ngãi	2122003	Xã Tịnh Sơn (năm 2025)	Khu vực 2 NT
92	51	Quảng Ngãi	21235	Xã Tư Nghĩa	Khu vực 2 NT
93	51	Quảng Ngãi	2123501	Thị trấn Hà Là (năm 2025)	Khu vực 2 NT
94	51	Quảng Ngãi	2123502	Xã Nghĩa Trung (năm 2025)	Khu vực 2 NT
95	51	Quảng Ngãi	2123503	Xã Nghĩa Thương (năm 2025)	Khu vực 2 NT
96	51	Quảng Ngãi	2123504	Xã Nghĩa Hòa (năm 2025)	Khu vực 2 NT
97	51	Quảng Ngãi	21238	Xã Vệ Giang	Khu vực 2 NT
98	51	Quảng Ngãi	2123801	Thị trấn Sông Vệ (năm 2025)	Khu vực 2 NT
99	51	Quảng Ngãi	2123802	Xã Nghĩa Hiệp (năm 2025)	Khu vực 2 NT
100	51	Quảng Ngãi	2123803	Xã Nghĩa Phương (năm 2025)	Khu vực 2 NT
101	51	Quảng Ngãi	21244	Xã Trà Giang	Khu vực 1
102	51	Quảng Ngãi	2124401	Xã Nghĩa Sơn (năm 2025)	Khu vực 1
103	51	Quảng Ngãi	2124402	Xã Nghĩa Lâm (năm 2025)	Khu vực 2 NT
104	51	Quảng Ngãi	2124403	Xã Nghĩa Thắng (năm 2025)	Khu vực 2 NT
105	51	Quảng Ngãi	21250	Xã Nghĩa Giang	Khu vực 2 NT
106	51	Quảng Ngãi	2125001	Xã Nghĩa Thuận (năm 2025)	Khu vực 2 NT
107	51	Quảng Ngãi	2125002	Xã Nghĩa Kỳ (năm 2025)	Khu vực 2 NT
108	51	Quảng Ngãi	2125003	Xã Nghĩa Điền (năm 2025)	Khu vực 2 NT
109	51	Quảng Ngãi	21289	Xã Sơn Hà	Khu vực 2 NT
110	51	Quảng Ngãi	2128901	Thị trấn Di Lăng (2025)	Khu vực 1
111	51	Quảng Ngãi	2128902	Xã Sơn Bao (năm 2025)	Khu vực 1
112	51	Quảng Ngãi	2128903	Xã Sơn Thượng (năm 2025)	Khu vực 1
113	51	Quảng Ngãi	21292	Xã Sơn Hạ	Khu vực 1
114	51	Quảng Ngãi	2129201	Xã Sơn Hạ (năm 2025)	Khu vực 1
115	51	Quảng Ngãi	2129202	Xã Sơn Thành (năm 2025)	Khu vực 1
116	51	Quảng Ngãi	2129203	Xã Sơn Nham (năm 2025)	Khu vực 1
117	51	Quảng Ngãi	21307	Xã Sơn Linh	Khu vực 1
118	51	Quảng Ngãi	2130701	Xã Sơn Linh (năm 2025)	Khu vực 1
119	51	Quảng Ngãi	2130702	Xã Sơn Cao (năm 2025)	Khu vực 1
120	51	Quảng Ngãi	2130703	Xã Sơn Giang (năm 2025)	Khu vực 1
121	51	Quảng Ngãi	21319	Xã Sơn Thủy	Khu vực 1
122	51	Quảng Ngãi	2131901	Xã Sơn Thủy (năm 2025)	Khu vực 1
123	51	Quảng Ngãi	2131902	Xã Sơn Trung (năm 2025)	Khu vực 1
124	51	Quảng Ngãi	2131903	Xã Sơn Hải (năm 2025)	Khu vực 1
125	51	Quảng Ngãi	21325	Xã Sơn Kỳ	Khu vực 1
126	51	Quảng Ngãi	2132501	Xã Sơn Kỳ (năm 2025)	Khu vực 1
127	51	Quảng Ngãi	2132502	Xã Sơn Ba (năm 2025)	Khu vực 1
128	51	Quảng Ngãi	21334	Xã Sơn Tây Thượng	Khu vực 1
129	51	Quảng Ngãi	2133401	Xã Sơn Mùa (năm 2025)	Khu vực 1
130	51	Quảng Ngãi	2133402	Xã Sơn Liên (năm 2025)	Khu vực 1
131	51	Quảng Ngãi	2133403	Xã Sơn Bua (năm 2025)	Khu vực 1
132	51	Quảng Ngãi	21340	Xã Sơn Tây	Khu vực 1
133	51	Quảng Ngãi	2134001	Xã Sơn Tân (năm 2025)	Khu vực 1
134	51	Quảng Ngãi	2134002	Xã Sơn Dung (năm 2025)	Khu vực 1
135	51	Quảng Ngãi	2134003	Xã Sơn Long (năm 2025)	Khu vực 1
136	51	Quảng Ngãi	21343	Xã Sơn Tây Hạ	Khu vực 1
137	51	Quảng Ngãi	2134301	Xã Sơn Tinh (năm 2025)	Khu vực 1
138	51	Quảng Ngãi	2134302	Xã Sơn Lập (năm 2025)	Khu vực 1
139	51	Quảng Ngãi	2134303	Xã Sơn Mậu (năm 2025)	Khu vực 1
140	51	Quảng Ngãi	21349	Xã Sơn Mai	Khu vực 1
141	51	Quảng Ngãi	2134901	Xã Long Mai (năm 2025)	Khu vực 1
142	51	Quảng Ngãi	2134902	Xã Long Sơn (năm 2025)	Khu vực 1
143	51	Quảng Ngãi	21361	Xã Minh Long	Khu vực 1
144	51	Quảng Ngãi	2136101	Xã Long Hiệp (năm 2025)	Khu vực 1
145	51	Quảng Ngãi	2136102	Xã Thanh An (năm 2025)	Khu vực 1

146	51	Quảng Ngãi	2136103	Xã Long Môn (năm 2025)	Khu vực 1
147	51	Quảng Ngãi	21364	Xã Nghĩa Hành	Khu vực 2 NT
148	51	Quảng Ngãi	2136401	Thị trấn Chợ Chùa (năm 2025)	Khu vực 2 NT
149	51	Quảng Ngãi	2136402	Xã Hành Thuận (năm 2025)	Khu vực 2 NT
150	51	Quảng Ngãi	2136403	Xã Hành Trung (năm 2025)	Khu vực 2 NT
151	51	Quảng Ngãi	21370	Xã Phước Giang	Khu vực 1
152	51	Quảng Ngãi	2137001	Xã Hành Dũng (năm 2025)	Khu vực 2 NT
153	51	Quảng Ngãi	2137002	Xã Hành Nhân (năm 2025)	Khu vực 2 NT
154	51	Quảng Ngãi	2137003	Xã Hành Minh (năm 2025)	Khu vực 2 NT
155	51	Quảng Ngãi	21385	Xã Đình Cường	Khu vực 2 NT
156	51	Quảng Ngãi	2138501	Xã Hành Đức (năm 2025)	Khu vực 2 NT
157	51	Quảng Ngãi	2138502	Xã Hành Phước (năm 2025)	Khu vực 2 NT
158	51	Quảng Ngãi	2138503	Xã Hành Thịnh (năm 2025)	Khu vực 2 NT
159	51	Quảng Ngãi	21388	Xã Thiện Tín	Khu vực 1
160	51	Quảng Ngãi	2138801	Xã Hành Thiên (năm 2025)	Khu vực 2 NT
161	51	Quảng Ngãi	2138802	Xã Hành Tín Tây (năm 2025)	Khu vực 1
162	51	Quảng Ngãi	2138803	Xã Hành Tín Đông (năm 2025)	Khu vực 2 NT
163	51	Quảng Ngãi	21400	Xã Mộ Đức	Khu vực 2 NT
164	51	Quảng Ngãi	2140001	Thị trấn Mộ Đức (2025)	Khu vực 2 NT
165	51	Quảng Ngãi	2140002	Xã Đức Hòa (năm 2025)	Khu vực 2 NT
166	51	Quảng Ngãi	2140003	Xã Đức Phú (năm 2025)	Khu vực 2 NT
167	51	Quảng Ngãi	214004	Xã Đức Tân (năm 2025)	Khu vực 2 NT
168	51	Quảng Ngãi	21409	Xã Long Phụng	Khu vực 2 NT
169	51	Quảng Ngãi	2140901	Xã Thắng Lợi (năm 2025)	Khu vực 2 NT
170	51	Quảng Ngãi	2140902	Xã Đức Nhuận (năm 2025)	Khu vực 2 NT
171	51	Quảng Ngãi	2140903	Xã Đức Hiệp (năm 2025)	Khu vực 2 NT
172	51	Quảng Ngãi	21421	Xã Mộ Cày	Khu vực 2 NT
173	51	Quảng Ngãi	2142101	Xã Đức Chánh (năm 2025)	Khu vực 2 NT
174	51	Quảng Ngãi	2142102	Xã Đức Thạnh (năm 2025)	Khu vực 2 NT
175	51	Quảng Ngãi	2142103	Xã Đức Minh (năm 2025)	Khu vực 2 NT
176	51	Quảng Ngãi	21433	Xã Lân Phong	Khu vực 2 NT
177	51	Quảng Ngãi	2143301	Xã Đức Lân (năm 2025)	Khu vực 2 NT
178	51	Quảng Ngãi	2143302	Xã Đức Phong (năm 2025)	Khu vực 2 NT
179	51	Quảng Ngãi	21439	Phường Đức Phổ	Khu vực 2
180	51	Quảng Ngãi	2143901	Phường Nguyễn Nghiêm ( năm 2025)	Khu vực 2
181	51	Quảng Ngãi	2143902	Phường Phổ Hòa (năm 2025)	Khu vực 2
182	51	Quảng Ngãi	2143903	Phường Phổ Minh (năm 2025)	Khu vực 2
183	51	Quảng Ngãi	2143904	Phường Phổ Vinh (năm 2025)	Khu vực 2
184	51	Quảng Ngãi	2143905	Phường Phổ Ninh (năm 2025)	Khu vực 2
185	51	Quảng Ngãi	21451	Phường Trà Câu	Khu vực 2
186	51	Quảng Ngãi	2145101	Phường Phổ Văn (năm 2025)	Khu vực 2
187	51	Quảng Ngãi	2145102	Phường Phổ Quang (năm 2025)	Khu vực 2
188	51	Quảng Ngãi	2145103	Xã Phổ An (năm 2025)	Khu vực 2 NT
189	51	Quảng Ngãi	2145104	Xã Phổ Thuận (năm 2025)	Khu vực 2 NT
190	51	Quảng Ngãi	21457	Xã Nguyễn Nghiêm	Khu vực 1
191	51	Quảng Ngãi	2145701	Xã Phổ Nhơn (năm 2025)	Khu vực 2 NT
192	51	Quảng Ngãi	2145702	Xã Phổ Phong (năm 2025)	Khu vực 2 NT
193	51	Quảng Ngãi	21472	Xã Khánh Cường	Khu vực 2 NT
194	51	Quảng Ngãi	2147201	Xã Phổ Khánh (năm 2025)	Khu vực 2 NT
195	51	Quảng Ngãi	2147202	Xã Phổ Cường (năm 2025)	Khu vực 2 NT
196	51	Quảng Ngãi	21478	Phường Sa Huỳnh	Khu vực 2
197	51	Quảng Ngãi	2147801	Phường Phổ Thạnh (năm 2025)	Khu vực 2
198	51	Quảng Ngãi	2147802	Xã Phổ Châu (năm 2025)	Khu vực 2 NT
199	51	Quảng Ngãi	21484	Xã Ba Tơ	Khu vực 1
200	51	Quảng Ngãi	2148401	Thị trấn Ba Tơ (năm 2025)	Khu vực 1
201	51	Quảng Ngãi	2148402	Xã Ba Cung (năm 2025)	Khu vực 1
202	51	Quảng Ngãi	2148403	Xã Ba Bích (năm 2025)	Khu vực 1
203	51	Quảng Ngãi	21490	Xã Ba Vinh	Khu vực 1
204	51	Quảng Ngãi	2149001	Xã Ba Vinh (năm 2025)	Khu vực 1
205	51	Quảng Ngãi	2149002	Xã Ba Điền (năm 2025)	Khu vực 1
206	51	Quảng Ngãi	21496	Xã Ba Động	Khu vực 1
207	51	Quảng Ngãi	2149601	Xã Ba Động (năm 2025)	Khu vực 2 NT
208	51	Quảng Ngãi	2149602	Xã Ba Liên (năm 2025)	Khu vực 1
209	51	Quảng Ngãi	2149603	Xã Ba Thành (năm 2025)	Khu vực 1
210	51	Quảng Ngãi	21499	Xã Ba Dinh	Khu vực 1
211	51	Quảng Ngãi	2149901	Xã Ba Dinh (năm 2025)	Khu vực 1
212	51	Quảng Ngãi	2149902	Xã Ba Giang (năm 2025)	Khu vực 1
213	51	Quảng Ngãi	21520	Xã Đặng Thùy Trâm	Khu vực 1
214	51	Quảng Ngãi	2152001	Xã Ba Trang (năm 2025)	Khu vực 1
215	51	Quảng Ngãi	2152002	Xã Ba Khâm (năm 2025)	Khu vực 1
216	51	Quảng Ngãi	21523	Xã Ba Tô	Khu vực 1
217	51	Quảng Ngãi	2152301	Xã Ba Tô (năm 2025)	Khu vực 1
218	51	Quảng Ngãi	2152302	Xã Ba Lê (năm 2025)	Khu vực 1
219	51	Quảng Ngãi	2152303	Xã Ba Nam (năm 2025)	Khu vực 1
220	51	Quảng Ngãi	21529	Xã Ba Vi	Khu vực 1
221	51	Quảng Ngãi	2152901	Xã Ba Vi (năm 2025)	Khu vực 1

222	51	Quảng Ngãi	2152902	Xã Ba Tiêu (năm 2025)	Khu vực 1
223	51	Quảng Ngãi	2152903	Xã Ba Ngạc (năm 2025)	Khu vực 1
224	51	Quảng Ngãi	21538	Xã Ba Xa	Khu vực 1
225	51	Quảng Ngãi	21548	Đặc khu Lý Sơn	Khu vực 1
226	51	Quảng Ngãi	23284	Phường Đăk Cẩm	Khu vực 1
227	51	Quảng Ngãi	2328401	Phường Duy Tân (năm 2025)	Khu vực 2
228	51	Quảng Ngãi	2328402	Phường Ngô Mây (năm 2025)	Khu vực 1
229	51	Quảng Ngãi	2328403	Xã Đăk Cẩm (năm 2025)	Khu vực 1
230	51	Quảng Ngãi	23293	Phường Kon Tum	Khu vực 1
231	51	Quảng Ngãi	2329301	Phường Quang Trung (năm 2025)	Khu vực 2
232	51	Quảng Ngãi	2329302	Phường Quyết Thắng (năm 2025)	Khu vực 2
233	51	Quảng Ngãi	2329303	Phường Thắng Lợi (năm 2025)	Khu vực 2
234	51	Quảng Ngãi	2329304	Phường Trường Chinh (năm 2025)	Khu vực 2
235	51	Quảng Ngãi	2329305	Phường Thống Nhất (năm 2025)	Khu vực 1
236	51	Quảng Ngãi	23302	Phường Đăk Bla	Khu vực 1
237	51	Quảng Ngãi	2330202	Phường Lê Lợi (năm 2025)	Khu vực 1
238	51	Quảng Ngãi	2330203	Phường Nguyễn Trãi (năm 2025)	Khu vực 2
239	51	Quảng Ngãi	23317	Xã Ngọc Bay	Khu vực 1
240	51	Quảng Ngãi	2331701	Xã Ngọc Bay(năm 2025)	Khu vực 1
241	51	Quảng Ngãi	2331702	Xã Kroong(năm 2025)	Khu vực 1
242	51	Quảng Ngãi	23326	Xã Ia Chim	Khu vực 1
243	51	Quảng Ngãi	2332601	Xã Ia Chim (năm 2025)	Khu vực 1
244	51	Quảng Ngãi	2332602	Xã Đoàn Kết (năm 2025)	Khu vực 1
245	51	Quảng Ngãi	2332603	Xã Đăk Năng (năm 2025)	Khu vực 1
246	51	Quảng Ngãi	23332	Xã Đăk Rơ Wa	Khu vực 1
247	51	Quảng Ngãi	2333201	Xã Đăk Rơ Wa (năm 2025)	Khu vực 1
248	51	Quảng Ngãi	2333202	Xã Hòa Bình (năm 2025)	Khu vực 1
249	51	Quảng Ngãi	2333203	Xã Chư Hreng (năm 2025)	Khu vực 1
250	51	Quảng Ngãi	2333204	Xã Đăk Blà (năm 2025)	Khu vực 1
251	51	Quảng Ngãi	23341	Xã Đăk Pék	Khu vực 1
252	51	Quảng Ngãi	2334101	Xã Đăk Pék (năm 2025)	Khu vực 1
253	51	Quảng Ngãi	2334102	Thị trấn Đăk Glei (năm 2025)	Khu vực 1
254	51	Quảng Ngãi	23344	Xã Đăk Plô	Khu vực 1
255	51	Quảng Ngãi	2334401	Xã Đăk Plô (năm 2025)	Khu vực 1
256	51	Quảng Ngãi	2334402	Xã Đăk Nhoong (năm 2025)	Khu vực 1
257	51	Quảng Ngãi	2334403	Xã Đăk Man (năm 2025)	Khu vực 1
258	51	Quảng Ngãi	23356	Xã Xốp	Khu vực 1
259	51	Quảng Ngãi	2335601	Xã Xốp (năm 2025)	Khu vực 1
260	51	Quảng Ngãi	2335602	Xã Đăk Choong (năm 2025)	Khu vực 1
261	51	Quảng Ngãi	23365	Xã Ngọc Linh	Khu vực 1
262	51	Quảng Ngãi	2336501	Xã Ngọc Linh (năm 2025)	Khu vực 1
263	51	Quảng Ngãi	2336502	Xã Mường Hoong (năm 2025)	Khu vực 1
264	51	Quảng Ngãi	23368	Xã Đăk Long	Khu vực 1
265	51	Quảng Ngãi	23374	Xã Đăk Môn	Khu vực 1
266	51	Quảng Ngãi	2337401	Xã Đăk Môn (năm 2025)	Khu vực 1
267	51	Quảng Ngãi	2337402	Xã Đăk Kroong (năm 2025)	Khu vực 1
268	51	Quảng Ngãi	23377	Xã Bờ Y	Khu vực 1
269	51	Quảng Ngãi	2337701	Xã Bờ Y (năm 2025)	Khu vực 1
270	51	Quảng Ngãi	2337702	Thị trấn Plei Kần (năm 2025)	Khu vực 1
271	51	Quảng Ngãi	2337703	Xã Đăk Xú (năm 2025)	Khu vực 1
272	51	Quảng Ngãi	23383	Xã Dục Nông	Khu vực 1
273	51	Quảng Ngãi	2338301	Xã Đăk Ang (năm 2025)	Khu vực 1
274	51	Quảng Ngãi	2338302	Xã Đăk Dục (năm 2025)	Khu vực 1
275	51	Quảng Ngãi	2338303	Xã Đăk Nông (năm 2025)	Khu vực 1
276	51	Quảng Ngãi	23392	Xã Sa Loong	Khu vực 1
277	51	Quảng Ngãi	2339201	Xã Sa Loong (năm 2025)	Khu vực 1
278	51	Quảng Ngãi	2339202	Xã Đăk Kan (năm 2025)	Khu vực 1
279	51	Quảng Ngãi	23401	Xã Đăk Tô	Khu vực 1
280	51	Quảng Ngãi	2340101	Thị trấn Đăk Tô (năm 2025)	Khu vực 1
281	51	Quảng Ngãi	2340102	Xã Tân Cảnh (năm 2025)	Khu vực 1
282	51	Quảng Ngãi	2340103	Xã Pô Kô (năm 2025)	Khu vực 1
283	51	Quảng Ngãi	2340104	Xã Diên Bình (năm 2025)	Khu vực 1
284	51	Quảng Ngãi	23416	Xã Đăk Sao	Khu vực 1
285	51	Quảng Ngãi	2341601	Xã Đăk Sao (năm 2025)	Khu vực 1
286	51	Quảng Ngãi	2341602	Xã Đăk Na (năm 2025)	Khu vực 1
287	51	Quảng Ngãi	23419	Xã Đăk Tờ Kan	Khu vực 1
288	51	Quảng Ngãi	2341901	Xã Đăk Tờ Kan (năm 2025)	Khu vực 1
289	51	Quảng Ngãi	2341902	Xã Đăk Rơ Ông (năm 2025)	Khu vực 1
290	51	Quảng Ngãi	23425	Xã Tu Mơ Rông	Khu vực 1
291	51	Quảng Ngãi	2342501	Xã Tu Mơ Rông (năm 2025)	Khu vực 1
292	51	Quảng Ngãi	2342502	Xã Đăk Hà (năm 2025)	Khu vực 1
293	51	Quảng Ngãi	23428	Xã Ngọc Tụ	Khu vực 1
294	51	Quảng Ngãi	2342801	Xã Ngọc Tụ (năm 2025)	Khu vực 1
295	51	Quảng Ngãi	2342802	Xã Đăk Rơ Nga (năm 2025)	Khu vực 1
296	51	Quảng Ngãi	23430	Xã Kon Đào	Khu vực 1
297	51	Quảng Ngãi	2343001	Xã Kon Đào (năm 2025)	Khu vực 1

298	51	Quảng Ngãi	2343002	Xã Đăk Trăm (năm 2025)	Khu vực 1
299	51	Quảng Ngãi	2343003	Xã Văn Lem (năm 2025)	Khu vực 1
300	51	Quảng Ngãi	23446	Xã Măng Ri	Khu vực 1
301	51	Quảng Ngãi	2344601	Xã Măng Ri (năm 2025)	Khu vực 1
302	51	Quảng Ngãi	2344602	Xã Ngok Yêu (năm 2025)	Khu vực 1
303	51	Quảng Ngãi	2344603	Xã Ngok Lây (năm 2025)	Khu vực 1
304	51	Quảng Ngãi	2344604	Xã Văn Xuôi (năm 2025)	Khu vực 1
305	51	Quảng Ngãi	2344605	Xã Tê Xăng (năm 2025)	Khu vực 1
306	51	Quảng Ngãi	23455	Xã Măng Bút	Khu vực 1
307	51	Quảng Ngãi	2345501	Xã Măng Bút (năm 2025)	Khu vực 1
308	51	Quảng Ngãi	2345502	Xã Đăk Ring (năm 2025)	Khu vực 1
309	51	Quảng Ngãi	2345503	Xã Đăk Nền (năm 2025)	Khu vực 1
310	51	Quảng Ngãi	23473	Xã Măng Đen	Khu vực 1
311	51	Quảng Ngãi	2347301	Xã Măng Đen (năm 2025)	Khu vực 1
312	51	Quảng Ngãi	2347302	Xã Măng Cành (năm 2025)	Khu vực 1
313	51	Quảng Ngãi	2347303	Xã Đăk Tăng (năm 2025)	Khu vực 1
314	51	Quảng Ngãi	23476	Xã Kon Plông	Khu vực 1
315	51	Quảng Ngãi	2347601	Xã Ngok Tem (năm 2025)	Khu vực 1
316	51	Quảng Ngãi	2347602	Xã Hiêu (năm 2025)	Khu vực 1
317	51	Quảng Ngãi	2347603	Xã Pờ Ê (năm 2025)	Khu vực 1
318	51	Quảng Ngãi	23479	Xã Đăk Rve	Khu vực 1
319	51	Quảng Ngãi	2347901	Thị trấn Đăk Rve (năm 2025)	Khu vực 1
320	51	Quảng Ngãi	2347902	Xã Đăk Pne (năm 2025)	Khu vực 1
321	51	Quảng Ngãi	23485	Xã Đăk Kôi	Khu vực 1
322	51	Quảng Ngãi	2348501	Xã Đăk Kôi (năm 2025)	Khu vực 1
323	51	Quảng Ngãi	2348502	Xã Đăk Tơ Lung (năm 2025)	Khu vực 1
324	51	Quảng Ngãi	23497	Xã Kon Braih	Khu vực 1
325	51	Quảng Ngãi	2349701	Xã Đăk Ruông (năm 2025)	Khu vực 1
326	51	Quảng Ngãi	2349702	Xã Đăk Tờ Re (năm 2025)	Khu vực 1
327	51	Quảng Ngãi	2349703	Xã Tân Lập (năm 2025)	Khu vực 1
328	51	Quảng Ngãi	23500	Xã Đăk Hà	Khu vực 1
329	51	Quảng Ngãi	2350001	Thị trấn Đăk Hà (năm 2025)	Khu vực 1
330	51	Quảng Ngãi	2350002	Xã Đăk La (năm 2025)	Khu vực 1
331	51	Quảng Ngãi	2350003	Xã Hà Môn (năm 2025)	Khu vực 2 NT
332	51	Quảng Ngãi	23504	Xã Đăk Pxi	Khu vực 1
333	51	Quảng Ngãi	2350401	Xã Đăk Pxi (năm 2025)	Khu vực 1
334	51	Quảng Ngãi	2350402	Xã Đăk Long (năm 2025)	Khu vực 1
335	51	Quảng Ngãi	23510	Xã Đăk Ui	Khu vực 1
336	51	Quảng Ngãi	2351001	Xã Đăk Ui (năm 2025)	Khu vực 1
337	51	Quảng Ngãi	2351002	Xã Đăk Ngoc (năm 2025)	Khu vực 1
338	51	Quảng Ngãi	23512	Xã Đăk Mar	Khu vực 1
339	51	Quảng Ngãi	2351201	Xã Đăk Mar (năm 2025)	Khu vực 1
340	51	Quảng Ngãi	2351202	Xã Đăk Hring (năm 2025)	Khu vực 1
341	51	Quảng Ngãi	23515	Xã Ngok Réo	Khu vực 1
342	51	Quảng Ngãi	2351501	Xã Ngok Réo (năm 2025)	Khu vực 1
343	51	Quảng Ngãi	2351502	Xã Ngok Wang (năm 2025)	Khu vực 1
344	51	Quảng Ngãi	23527	Xã Sa Thủy	Khu vực 1
345	51	Quảng Ngãi	2352701	Thị trấn Sa Thủy (năm 2025)	Khu vực 1
346	51	Quảng Ngãi	2352702	Xã Sa Sơn (năm 2025)	Khu vực 1
347	51	Quảng Ngãi	2352703	Xã Sa Nhon (năm 2025)	Khu vực 2 NT
348	51	Quảng Ngãi	23530	Xã Rờ Koi	Khu vực 1
349	51	Quảng Ngãi	23534	Xã Sa Bình	Khu vực 1
350	51	Quảng Ngãi	2353401	Xã Sa Bình (năm 2025)	Khu vực 1
351	51	Quảng Ngãi	2353402	Xã Sa Nghĩa (năm 2025)	Khu vực 1
352	51	Quảng Ngãi	2353403	Xã Hơ Moong (năm 2025)	Khu vực 1
353	51	Quảng Ngãi	23535	Xã Ia Đal	Khu vực 1
354	51	Quảng Ngãi	23536	Xã Mô Rai	Khu vực 1
355	51	Quảng Ngãi	23538	Xã Ia Toi	Khu vực 1
356	51	Quảng Ngãi	2353801	Xã Ia Toi (năm 2025)	Khu vực 1
357	51	Quảng Ngãi	2353802	Xã Ia Dom (năm 2025)	Khu vực 1
358	51	Quảng Ngãi	23548	Xã Ya Ly	Khu vực 1
359	51	Quảng Ngãi	2354801	Xã Ya Ly (năm 2025)	Khu vực 1
360	51	Quảng Ngãi	2354802	Xã Ya Tăng (năm 2025)	Khu vực 1
361	51	Quảng Ngãi	2354803	Xã Ya Xiêr (năm 2025)	Khu vực 1